

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/ DS – ST
Ngày: 03 - 02 - 2021
V/v tranh chấp: Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Tuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Thanh Dũng**

2. Ông **Lý Hồng Hạnh**.

- Thư ký Tòa án – Ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tiên**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Lương Tri - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2019/TLST- DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2020/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Kiên L

Địa chỉ: Số 40 - 42- 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn V**- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên L - PGD Ô Môn. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 969 B/6 Khu vực 4, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Theo văn bản ủy quyền số 121/ UQ-NHKL ngày 28/01/2019.

Bị đơn: Ông Trần Hoàng Đ, sinh năm 1979. (Có mặt)

Bà Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Cùng trú tại ấp Trường K, xã Trường T, huyện TL, thành phố C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 1/ Ông **Trương Thanh B**, sinh năm 1956. (Có mặt)
- 2/ Bà **Bùi Thị R**, sinh năm 1958. (Có mặt)
- 3/ Ông **Trương Quốc B**, sinh năm 1979. (Có mặt)
- 4/ Bà **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)
- 5/ Bà **Huỳnh Thị Kim H** (Có mặt)
- 6/ Ông **Huỳnh Văn N**. (Vắng mặt)
- 7/ Ông **Võ Thành L**. (Có mặt)
- 8/ Ông **Lương Quốc T**. (Vắng mặt)
- 9/ Ông **Huỳnh Văn Bé T**, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Cùng trú tại ấp Trường K, xã Trường T, huyện TL, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Kiên L yêu cầu ông Trần Hoàng Đ, bà Trương Thị Mỹ H trả cho Ngân hàng tổng số tiền 970.582.550 đồng (Bằng chữ: Chín trăm bảy mươi triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm năm mươi đồng), trong đó gốc: 600.000.000 đồng, lãi: 370.582.550 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 248/16/HĐTD/0402-5893 ngày 21/10/2016, từ ngày 03/02/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp sau khi Quyết định/Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Hoàng Đ, bà Trương Thị Mỹ H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng Kiên L được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 211/15/HĐTC-BDS/0402-0546 ngày 24/09/2015 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Kiên L.

Đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn trình bày: Ngày 21/10/2016, ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H có ký kết với Ngân hàng TMCP Kiên L (gọi tắt là Ngân hàng Kiên L) Hợp đồng tín dụng số : 248/16/HĐTD/0402-5893 với những nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng*); Mục đích vốn vay: Sản xuất lúa, vừa lúa, chăn nuôi heo; Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày nhận nợ đầu tiên;

Lãi suất cho vay: 10,44%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Kiên L tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,69%/năm. Lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn.

Phạt chậm trả: 0,05%/ngày.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 211/15/HĐTC-BDS/0402-0546 ngày 24/09/2015 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với bên thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Ô Môn ngày 24/09/2015 và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử

dụng đất huyện Thới Lai theo đúng quy định pháp luật ngày 24/09/2015. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

- Quyền sử dụng đất số AN 225980; AC 814347 Số vào sổ: H01616; H00130 do UBND huyện Cờ Đỏ cũ (Nay là huyện Thới Lai) cấp ngày 07/11/2008; 07/07/2005 Thửa số: 273; 282 Tờ bản đồ số: 08; Diện tích: 6.377m²; 2.525 m²; Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa; Địa chỉ: Ấp Trường Khánh, xã Trường Thành, huyện Cờ Đỏ cũ (nay là huyện Thới Lai), thành phố Cần Thơ. Chủ sở hữu là ông Trương Thanh B.

- Quyền sử dụng đất số BN 098704; BQ 829890; BQ 829889 Số vào sổ: CH00887; CH01406; CH01405 do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 28/01/2013; 03/07/2014; 03/07/2014 Thửa số: 274; 281; 283 Tờ bản đồ số: 08; Diện tích: 1.690,1 m²; 1.270 m²; 4.198 m² Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, đất trồng cây lâu năm; đất trồng lúa; đất trồng lúa. Địa chỉ: Ấp Trường Khánh, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ. Chủ sở hữu là ông Trương Thanh B và ông Trương Quốc B.

Trong quá trình vay vốn, ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H đã vi phạm hợp đồng. Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông (bà) cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng ông (bà) vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Tạm tính đến ngày 03/02/2021, ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H còn phải thanh toán Ngân hàng tổng số tiền cụ thể như sau: Vốn gốc: 600.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 40.462.500 đồng; Lãi quá hạn: 313.449.500 đồng; Phạt chậm trả lãi: 16.670.550 đồng; Tổng cộng là 970.582.550 đồng.

Ông Trần Hoàng Đ (bị đơn) trình bày: Thừa nhận cùng bà Trương Thị Mỹ H có vay và nợ Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 16/12/2019 là 250.240.331 đồng, gốc và lãi là 850.240.331 đồng; Ông xin trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu không thực hiện đúng ông đồng ý phát mãi tài sản trả nợ cho Ngân hàng. Ông xác định không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Bà Trương Thị Mỹ H (bị đơn) trình bày: Thừa nhận cùng ông Trần Hoàng Đ có vay và nợ Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 16/12/2019 là 250.240.331 đồng, gốc và lãi là 850.240.331 đồng; Bà đồng ý cùng ông Trần Hoàng Đ có trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Trường hợp không trả được nợ thì bà không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp. Bà xác định không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Ông Trương Quốc B (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày: Tôi là anh ruột của bà Trương Thị Mỹ H, anh vợ của ông Trần Hoàng Đ. Vào năm 2015 vợ chồng bà H và ông Đ do cần vốn nên có hỏi mượn quyền sử dụng đất của tôi để đi vay ngân hàng. Theo đó, tôi có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 211/15/HĐTC-BDS/0402-0546 ngày 24/9/2015 với Ngân hàng TMCP Kiên L – Chi nhánh Cần Thơ – PGD Ô Môn để thế chấp quyền sử dụng đất thửa 283, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.189m², mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước (theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ CH01405 do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 03/7/2014 do tôi đứng tên) và quyền sử dụng đất thửa 281, tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng: đất

chuyên trồng lúa nước (theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ CH01406 do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 03/7/2014 do tôi đứng tên), đất cùng tọa lạc tại ấp Trường Khánh, xã Trường Thành, huyện Thới Lai bảo đảm cho khoản nợ vay của ông Đ, bà H (nhưng tôi không biết là bảo đảm cho số tiền vay bao nhiêu). Hai thửa đất nêu trên tôi đã cầm cố cho bà Trương Thị L (là dì ruột) diện tích 04 công, giá cố đất: 40 chỉ vàng 24k (việc cố đất có làm giấy tay). Hiện nay đã trả được cho bà L 20 chỉ vàng 24k (còn nợ lại 20 chỉ vàng 24k), đất tôi đang thuê lại từ bà L và đang canh tác, giá thuê bằng 80 gia lúa/04 công; phần còn lại diện tích 1,5 công tôi cầm cố cho người tên X (ở xã Định Môn, tôi không nhớ rõ họ tên và địa chỉ cụ thể), giá cố đất: 15 chỉ vàng 24k (việc cố đất có làm giấy tay), phần đất này hiện nay bà X đang cho con rể tên Trương Quốc Đ (là em ruột tôi) đang canh tác. Việc cố đất cho bà L, bà X cách nay đã hơn 10 năm (tôi không nhớ rõ thời gian, nhưng cầm cố trước thời điểm ký thể chấp bảo đảm cho vợ chồng ông Đ, bà H vay ngân hàng). Ông xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi vay thì tôi thông nhất nhưng nguyên đơn yêu cầu trường hợp ông Đ, bà H không thanh toán được nợ thì yêu cầu phát mãi, xử lý tài sản thế chấp thửa 283, 281 nêu trên thì tôi không đồng ý. Tôi yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H có trách nhiệm trả nợ cho Nguyên đơn để rút thể chấp quyền sử dụng đất trả lại cho tôi, do tôi chỉ đứng ra vay dùm cho ông Đ, bà H và toàn bộ tiền vay do vợ chồng ông Đ, bà H sử dụng. Đối với những người đang cố đất của tôi thì giữa tôi với họ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án triệu tập đến Tòa giải quyết.

Ông Trương Thanh B và bà Bùi Thị R (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày: Chúng tôi là cha, mẹ ruột của bà Trương Thị Mỹ H, cha mẹ vợ của ông Trần Hoàng Đ. Chúng tôi thừa nhận có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 211/15/HĐTC-BĐS/0402-0546 ngày 24/9/2015 với Ngân hàng TMCP Kiên L – Chi nhánh Cần Thơ – PGD Ô Môn để thế chấp quyền sử dụng đất của gia đình tại thửa 273, 274 và 282, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp Trường Khánh, xã Trường Thành, huyện Thới Lai bảo đảm khoản nợ vay của ông Đ, bà H. Chúng tôi có thay đổi ý kiến tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/12/2019, nay đối với việc nguyên đơn yêu cầu phát mãi, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì chúng tôi không đồng ý, khoản nợ vay ông Đ và bà H có trách nhiệm trả để rút quyền sử dụng đất trả lại cho vợ chồng tôi. Phần đất vợ chồng tôi đã chuyển nhượng cho các hộ gồm Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Văn N, Võ Thành L, Huỳnh Văn Minh (đã chết và chuyển nhượng lại cho ông Lương Quốc T) bằng giấy tay, việc chuyển nhượng đã giao nhận tiền đầy đủ nhưng chưa tách quyền sử dụng đất. Việc chuyển nhượng cho các hộ nêu trên là trước thời điểm ký thể chấp, chúng tôi không nhớ rõ thời gian cụ thể và các hộ này đang cất nhà, sinh sống trên phần đất. Đến nay bà H và ông N đã tách và đứng tên quyền sử dụng đất đã nhận chuyển nhượng nên không còn liên quan, còn ông L và ông T chưa tách quyền sử dụng đất nên trường hợp nếu họ có yêu cầu thì chúng tôi tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông Huỳnh Văn B Tuấn trình bày: Ông có nhận chuyển nhượng của ông Trương Thanh B một nền nhà ngang 5 m dài 13 m nhưng không nhớ rõ số thửa chỉ làm “tờ bán đất” viết tay vào năm 2012. Nay ông xác định không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Bà Huỳnh Thị Kim H trình bày: Phần đất bà nhận chuyển nhượng của ông Trương Văn B là không thuộc thửa đất mà ông B thế chấp để bảo lãnh cho ông Đ, bà H và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1449, tờ bản đồ số 8, diện tích 285,9 m² không thuộc thửa đất mà ông B thế chấp để bảo lãnh cho ông Đ và bà H vay tiền của Ngân hàng. Bà xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Ông Võ Thành L trình bày: Ông hiện đang sử dụng một phần đất mà cha mẹ ông cho ông thuộc phần đất ông Trương Thanh B tặng cho mẹ của ông và một phần cha của ông nhận chuyển nhượng của ông Trương Thanh B nhưng không biết cụ thể nằm ở thửa đất nào. Nay ông xác định không có yêu cầu độc lập để giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Phát biểu ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. (Có bài phát biểu quan điểm kèm theo).

Kiến nghị: Tòa án khắc vụ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Lương Quốc T, ông Huỳnh Văn N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Tòa án căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[3] Tại phiên tòa phía nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Kiên L có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn V trình bày yêu cầu cụ thể là yêu cầu ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc, lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 248/16/ HĐTD 0402-5893 ngày 21/10/2016. Cụ thể trong khoản nợ gốc 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng thì ông Đ và bà H không trả được khoản nợ gốc, chỉ trả được nợ lãi là 46.350.000 (Bốn mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Tính đến 03/02/2021 tổng cộng tiền lãi và gốc là 953.912.000 đồng (trong này phía nguyên đơn đã trừ phần phạt chậm trả lãi là 16.670.550 đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng phía nguyên đơn đã cung cấp được đầy đủ chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện nghị nên chấp nhận.

[4] Đối với ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H sau khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết; Tại phiên tòa phía ông Đ và bà Hạnh thống nhất với phía Ngân hàng về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và lãi đã trả được là 46.350.000 đồng nên Hội đồng xét xử cần buộc ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị

H phải có trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể tại phiên tòa sơ thẩm là đúng thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Về việc yêu cầu được trả dần 15.000.000 đồng/ tháng cho đến khi hết nợ của ông Trần Hoàng Đ không được phía Ngân hàng chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5] Ông Trương Thanh B, bà Bùi Thị R, ông Trương Quốc B và bà Nguyễn Thị Lệ T đã tự nguyện dùng tài sản của mình thế chấp bảo lãnh cho khoản nợ vay của ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H vay theo hợp đồng tín dụng số 248/16/HĐTD 0402-5893 ngày 21/10/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 211/15/HĐTC-BDS/0402-0546 ngày 24/9/2015 với Ngân hàng TMCP Kiên L – Chi nhánh Cần Thơ – PGD Ô Môn được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thới Lai nên trường hợp ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H không trả được hoặc không trả đủ nợ thì Ngân hàng TMCP Kiên L được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 211/15/HĐTC-BDS/0402-0546 ngày 24/09/2015 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Kiên L là đúng thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Đối với ông Lương Quốc T, bà Huỳnh Thị Kim H, ông Huỳnh Văn N và ông Võ Thành L không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] Về chi phí thẩm định: Buộc ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H chịu nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cần buộc ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới chịu nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Cần buộc ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H chịu nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

Điều 26, 35, 91,92, 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 91, 94 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kiên L. Buộc ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Kiên L tổng số nợ chưa thanh toán (gồm nợ gốc, nợ lãi) tính đến ngày 03/02/2021 là 953.912.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 40.462.500 đồng, nợ lãi quá hạn là 313.449.500 đồng.

Kể từ ngày 04/02/2021 đối với số tiền nợ gốc chưa trả, thì bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 248/16/HĐTD/0402-5893 ngày 21/10/2016 nhưng không được vượt quá 150% lãi

suất cho vay của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Kiên L có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 211/15/HĐTC-BDS/0402-0546 ngày 24/09/2015 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Kiên L.

Dành cho ông Huỳnh Văn Bé T, ông Huỳnh Văn N, ông Võ Thành L, ông Lương Quốc T một vụ kiện dân sự khác đối với ông Trương Thanh B liên quan đến tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (nếu có).

Về án phí: Buộc ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới nộp 40.617.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Kiên L không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền 17.830.300 đồng theo biên lai thu tiền số 003451 ngày 19/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H liên đới chịu nộp 1.000.000 đồng. Phía Ngân hàng TMCP Kiên L đã nộp tạm ứng 7.000.000 đồng và đã chi thực tế 1.000.000 đồng. Buộc ông Trần Hoàng Đ và bà Trương Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới nộp lại 1.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng TMCP Kiên L. Ngân hàng TMCP Kiên L được nhận lại 6.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ còn dư tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân xã, phường nơi đương sự cư trú./.

Nơi nhận :

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục T.H.A DS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Tuyên